

Bản án số: 10/2024/HNGĐ - ST
Ngày 07-5-2024
V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung, công nợ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trường Dũng.

2. Ông Trần Ngọc Luân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Sen - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2024/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, công nợ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị M, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

- Bị đơn: Anh Ngô Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C-Phòng giao dịch huyện K, tỉnh Hà Nam; địa chỉ: Thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thanh G-Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, tỉnh Hà Nam.

(Chị M, anh H, bà G đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Dương Thị M trình bày: Chị và anh Ngô Văn H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K vào ngày 17/01/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H ham chơi cờ bạc, không chịu tu chí làm ăn dẫn đến kinh tế gia đình ngày càng sa sút, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát đánh, cãi nhau. Từ tháng 4.2023 chị đã mang theo hai con về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống, anh chị sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn H.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Ngô Văn H trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa anh với chị Dương Thị M đúng như chị M đã trình bày. Song nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do kinh tế gia đình khó khăn, anh chị phải bán nhà đi để trả nợ nên không còn chỗ ở, từ khoảng tháng 10/2023 chị M về ở tại nhà bố mẹ đẻ và anh chị cũng ly thân nhau từ đó đến nay không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Tuy nhiên, anh H không đồng ý ly hôn chị M mà muốn vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Chị M và anh H thống nhất xác định vợ chồng anh chị có hai con chung là Ngô Thị Thanh L, sinh ngày 13/12/2008 và Ngô Thị Th, sinh ngày 27/10/2012, hiện nay cả hai cháu đều đang ở với chị M. Cả chị M và anh H đều xin được nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Chị M và anh H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, đất nông nghiệp: Chị M, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị M, anh H thống nhất xác định đến thời điểm hiện tại vợ chồng có nợ Ngân hàng C-Phòng giao dịch huyện K, tỉnh Hà Nam tổng số tiền gốc là khoảng 47.300.000 đồng. Quan điểm của chị M xác định khi ly hôn mỗi người sẽ có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ nêu trên. Quan điểm của anh H xác định không đồng ý ly hôn nên đề nghị vợ chồng về chung sống và cùng có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C-Phòng giao dịch huyện K, tỉnh Hà Nam do người đại diện

theo ủy quyền là bà Lê Thanh G, Giám đốc Phòng giao dịch trình bày: Vợ chồng chị Dương Thị M và anh Ngô Văn H có vay Ngân hàng C-Phòng giao dịch huyện K theo diện hộ mới thoát nghèo, mã khách hàng là 7053803639, số tiền gốc là 50.000.000 đồng, lãi suất 8,25%/năm, thời điểm vay 24/3/2022, thời hạn vay 05 năm, trả gốc theo kỳ, hạn trả nợ cuối cùng 24/3/2027. Tính đến thời điểm hiện tại chị M, anh H đã trả được 3.200.000 đồng gốc, còn nợ là 46.800.000 đồng gốc, tiền lãi anh chị còn nợ đến ngày 07/5/2024 là 296.186 đồng. Nay quan điểm của ngân hàng yêu cầu chị M và anh H cùng có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ gốc, lãi nêu trên và lãi suất 8,25%/năm kể từ ngày 08/5/2024 cho đến khi thanh toán hết số nợ theo đúng như anh chị đã ký kết trong sổ vay vốn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 27, 37, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các điểm a, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Dương Thị M: Xử lý hôn nhân giữa chị Dương Thị M và anh Ngô Văn H. Về con chung: Giao cháu Ngô Thị Thanh L, sinh ngày 13/12/2008 và Ngô Thị Th, sinh ngày 27/10/2012 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về công nợ: Buộc chị M và anh H phải có trách nhiệm liên đới trả khoản nợ 46.800.000 đồng (mỗi người phải trả Ngân hàng C-Phòng giao dịch huyện K, tỉnh Hà Nam số tiền gốc vay là 23.400.000 đồng và lãi suất tính đến hết ngày 07/5/2024 là 148.093 đồng). Về án phí: Chị M, anh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Dương Thị M và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C-Phòng giao dịch huyện K, tỉnh Hà Nam đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Ngô Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ

hai nhưng vẫn vắng mặt không có lí do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị M và anh Ngô Văn H là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 17/01/2008 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, kinh tế gia đình khó khăn nhưng anh chị không biết động viên nhau làm ăn dẫn đến phải bán nhà đi để trả nợ, vợ chồng thường xảy ra đánh, cãi, chửi nhau. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh H; còn anh H mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và anh chị đã li thân nhau là thực tế, bản thân anh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo xác minh tại địa phương thì trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị M và anh H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, khả năng để anh chị đoàn tụ là rất khó. Như vậy chứng tỏ hôn nhân giữa chị M và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị M được ly hôn anh H là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị M và anh H có hai con chung là Ngô Thị Thanh L, sinh ngày 13/12/2008 và Ngô Thị Th, sinh ngày 27/10/2012, hiện nay cả hai cháu đều đang ở với chị M. Xét yêu cầu về việc nuôi con của anh chị, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi cần phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cũng như phải xem xét đến nguyện vọng của con chưa thành niên. Xét thấy cháu L và cháu Th đều là con gái nên cần được mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc, dạy dỗ mới đảm bảo sự phát triển toàn diện về tâm, sinh lí và thể chất. Lời khai của cháu L và cháu Th cũng đều có nguyện vọng tha thiết xin được ở với mẹ vì lí do anh H không quan tâm gì đến các cháu, từ trước đến nay chỉ có một mình chị M là người chăm, nuôi dưỡng, dạy dỗ các cháu. Lời khai của bà Dương Thị M là mẹ đẻ anh H cũng xác định anh H không có điều kiện về kinh tế để nuôi con. Ngoài ra, chị M có việc làm và thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con. Vì vậy, cần giao cho chị M được quyền nuôi dưỡng cháu L và cháu Th, anh H không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị M là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con riêng*: Chị M, anh H không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung: tài sản riêng; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp*: Chị M, anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem

xét.

[6] *Về công nợ*: Chị M, anh H và Ngân hàng C-Phòng giao dịch huyện K cùng thống nhất xác định đến thời điểm hiện tại chị M và anh H vẫn còn khoản nợ chung đối với ngân hàng. Cụ thể, đến ngày 07/5/2024 chị M và anh H còn nợ số tiền gốc là 46.800.000 đồng và lãi suất phát sinh là 296.186 đồng. Xét thấy đây là khoản nợ anh chị vay để sử dụng vào mục đích chung của gia đình nên cần buộc chị M và anh H mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ gốc và lãi nêu trên là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[7] *Về án phí*: Chị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị M và anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 27, 37, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các điểm a, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử lý cho ly hôn giữa chị Dương Thị M và anh Ngô Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Thị Thanh L, sinh ngày 13/12/2008 và cháu Ngô Thị Th, sinh ngày 27/10/2012 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị M.

Chị M cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

3. Về công nợ: Buộc chị Dương Thị M và anh Ngô Văn H mỗi người phải thanh toán trả Ngân hàng C-Phòng giao dịch huyện K, tỉnh Hà Nam số tiền gốc vay là 23.400.000đ (hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng) và lãi suất tính đến hết ngày 07/5/2024 là 148.093đ (một trăm bốn mươi tám nghìn không trăm chín ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, chị Dương Thị M và anh Ngô Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Sổ vay vốn mã khách hàng 7053803639 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong Sổ vay vốn, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng C thì lãi suất mà chị M, anh H vay phải tiếp tục thanh

toán cho Ngân hàng C theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng C.

4. Án phí:

- Chị Dương Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 1.177.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Mận đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000092 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, chị M còn phải nộp tiếp tiền án phí là 1.177.000 đồng.

- Anh Ngô Văn H phải chịu 1.177.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ

Về đất nông nghiệp: Anh Chăm xác định vợ chồng mỗi người có một suất ruộng tiêu chuẩn diện tích 549m^2 tại cánh đồng Sen thuộc thôn Đức Mộ, xã Nguyễn Úy, huyện Kim Bảng; ngoài ra, anh được bà nội anh là cụ Đỗ Thị Chuật khi còn sống có tặng cho một suất ruộng tiêu chuẩn 549m^2 hiện nay cũng nằm cùng thửa ruộng của anh và chị Mận tại cánh đồng Sen nêu trên. Quan điểm của anh khi ly hôn ruộng tiêu chuẩn của ai được Nhà nước giao sẽ do người đó quản lí, sử dụng. Suất ruộng tiêu chuẩn của anh được bà nội tặng cho là của riêng anh nên anh được quyền sử dụng. Chị Mận xác định chị và anh Chăm có chung một thửa ruộng diện tích 1.647m^2 tại cánh đồng Sen thuộc thôn Đức Mộ, xã Nguyễn Úy, huyện Kim Bảng. Nguồn gốc thửa ruộng này là của chị và anh Chăm mỗi người được chia một suất tiêu chuẩn là 549m^2 và một suất tiêu chuẩn của bà nội anh Chăm là cụ Đỗ Thị Chuật là 549m^2 . Cụ Chuật chỉ có một mình anh Chăm là cháu trai, khi còn sống thì cụ ở cùng vợ chồng chị và do vợ chồng chị phụng dưỡng nên cụ đã tặng cho suất ruộng tiêu chuẩn trên của cụ cho chị và anh Chăm. Quan điểm

của chị Mận khi ly hôn thửa ruộng 1.647m² nêu trên sẽ chia đôi cho chị và anh Chấm mỗi người được quyền sử dụng ½ diện tích.

Ngoài ra, thửa đất nông nghiệp tiêu chuẩn của anh Chấm, chị Mận và bà nội anh Chấm là cụ Đỗ Thị Chuật có tổng diện tích là 1.647m², kết quả trích đo hiện trạng hộ anh chị đang sử dụng thì thửa đất này có diện tích 2.441m², như vậy thừa ra so với tiêu chuẩn đất nông nghiệp được Nhà nước giao là 794m². Quan điểm của UBND xã Nguyễn Úy xác định đợi khi có kết quả của Tòa án đối với việc giải quyết vụ án ly hôn của anh Chấm, chị Mận xong thì UBND xã sẽ có phương án xử lý diện tích thừa ra này theo quy định của pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

